

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Về khuyến công

Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định về khuyến công,¹

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định các chính sách khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn, áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững² trong công nghiệp (sau đây gọi chung là hoạt động khuyến công).

2.³ Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tại các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh; các xã, đặc khu thuộc thành phố trực thuộc

¹ Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công.”

² Cụm từ “sản xuất sạch hơn” được thay thế bởi cụm từ “sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững” theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

trung ương; các làng nghề được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

b) Cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

c) Nghề nhân nhân dân, nghề nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

d) Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1.⁴ Chương trình khuyến công quốc gia là tập hợp các nội dung, nhiệm vụ về hoạt động khuyến công trong từng giai đoạn (05 năm) do Bộ Công Thương tổ chức xây dựng và phê duyệt phù hợp với kế hoạch phát triển trung hạn, dài hạn của ngành nhằm mục tiêu khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên phạm vi cả nước.

2. *Kế hoạch khuyến công* là tập hợp các đề án, nhiệm vụ khuyến công hàng năm, trong đó đưa ra tiến độ, dự kiến kết quả cụ thể cần đạt được nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình khuyến công quốc gia từng giai đoạn. Kế hoạch khuyến công quốc gia do Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt; kế hoạch khuyến công địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

3. *Đề án khuyến công* là đề án được lập để triển khai một hoặc một số nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4 Nghị định này. Đề án khuyến công có mục tiêu, nội dung và đối tượng thụ hưởng, có thời gian thực hiện và kinh phí xác định.

4. *Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu* là sản phẩm do các cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất, có chất lượng, giá trị sử dụng cao; có tiềm năng phát triển sản xuất, mở rộng thị trường; đáp ứng được một số tiêu chí cơ bản về kinh tế, kỹ thuật, xã hội; về sử dụng nguồn nguyên liệu; giải quyết việc làm cho người lao động và thỏa mãn yêu cầu về bảo vệ môi trường.

5. *Sản xuất sạch hơn trong công nghiệp* là việc áp dụng các giải pháp về quản lý, công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; giảm thiểu phát thải và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường.

5a.⁵ Sản xuất và tiêu dùng bền vững là việc áp dụng các giải pháp theo hướng tiếp cận vòng đời sản phẩm, đẩy mạnh liên kết trong các khâu từ khai thác tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đến thiết kế, sản

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

⁵ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

xuất, phân phối, tiêu dùng và thải bỏ, chú trọng sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì, tái sử dụng và tái chế trong các công đoạn của vòng đời sản phẩm; coi trọng đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ thân thiện môi trường, cải tiến thiết bị, quy trình quản lý nhằm thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững.

5b.⁶ Chuyển đổi số trong hoạt động khuyến công là việc hỗ trợ áp dụng các sản phẩm, giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ số nhằm thay đổi mô hình quản lý, sản xuất kinh doanh truyền thống để tạo ra cơ hội, sản phẩm, doanh thu và giá trị mới trong sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

6. *Dịch vụ khuyến công* là các dịch vụ cần triển khai để thực hiện các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 3. Mục tiêu của hoạt động khuyến công

1. Động viên và huy động các nguồn lực trong nước và ngoài nước tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

2. Góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội và góp phần xây dựng nông thôn mới.

3.⁷ Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững, chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu gắn với bảo vệ môi trường, thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số.

4. Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Chương II CHÍNH SÁCH KHUYẾN CÔNG

Điều 4. Nội dung hoạt động khuyến công

1.⁸ Hỗ trợ đào tạo nghề theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động. Chương trình và hình thức đào tạo nghề chủ yếu là: kèm cặp nghề, truyền nghề, tập nghề; chương

⁶ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

⁷ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

trình bồi dưỡng, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; chương trình chuyển giao công nghệ.

2. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững⁹ trong sản xuất công nghiệp thông qua các hoạt động tư vấn, tập huấn, đào tạo, hội thảo, diễn đàn; tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước. Hỗ trợ khởi sự, thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn. Hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp nông thôn.

3.¹⁰ Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình về áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.¹¹ Phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn thông qua hỗ trợ tổ chức, tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu các cấp; hỗ trợ tổ chức hội chợ, triển lãm sản phẩm công nghiệp nông thôn, sản phẩm thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ tham gia các hội chợ, triển lãm và các hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước. Hỗ trợ tổ chức thi thợ giỏi nghề thủ công mỹ nghệ, thi thiết kế mẫu sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu; hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm. Hỗ trợ các hoạt động xét tặng, trao tặng danh hiệu nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ. Hỗ trợ tổ chức các hoạt động truyền nghề, tập nghề, phổ biến kinh nghiệm phát triển nghề của các Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

5. Tư vấn trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong việc: Lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thành lập doanh nghiệp; liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới. Tư vấn hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

6. Cung cấp thông tin về các chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công, thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, thông qua các hình thức như: Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn

⁹ Cụm từ “sản xuất sạch hơn” được thay thế bởi cụm từ “sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững” theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

¹⁰ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

¹¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác.

7.¹² Hỗ trợ xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp; xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn:

a) Hỗ trợ tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp.

b) Hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

8. Hợp tác quốc tế về khuyến công, bao gồm các hoạt động:

a) Xây dựng và tham gia thực hiện hoạt động khuyến công, sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững¹³ trong các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế.

b) Trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững¹⁴ với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

c) Nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công theo các chương trình hợp tác quốc tế và các chương trình, đề án học tập khảo sát ngoài nước.

9. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công:

a) Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công.

b) Tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước; hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công; xây dựng, duy trì và phổ biến các cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về khuyến công, sản xuất sạch hơn.

c) Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho các Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến công¹⁵ cấp vùng và cấp tỉnh. Xây dựng và duy trì mạng lưới cộng tác viên khuyến công.

¹² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

¹³ Cụm từ “sản xuất sạch hơn” được thay thế bởi cụm từ “sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững” theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

¹⁴ Cụm từ “sản xuất sạch hơn” được thay thế bởi cụm từ “sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững” theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

¹⁵ Cụm từ “Trung tâm khuyến công” được thay thế bởi cụm từ “Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến công” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

d) Xây dựng chương trình khuyến công từng giai đoạn; kế hoạch khuyến công hàng năm.

đ) Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công.

Điều 5. Danh mục ngành, nghề được hưởng chính sách khuyến công

1.¹⁶ Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất vào các ngành nghề, lĩnh vực sau đây được hưởng chính sách khuyến công theo quy định tại Điều 4 Nghị định này:

- a) Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm.
- b) Công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, thay thế hàng nhập khẩu.
- c) Công nghiệp hóa chất phục vụ nông nghiệp; sản xuất vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản; công nghệ sinh học, công nghiệp môi trường, các ngành chuyển đổi từ công nghiệp xanh, công nghiệp giảm phát thải và cacbon thấp, công nghiệp năng lượng thân thiện môi trường.
- d) Công nghiệp cơ khí; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp dệt may, da giày; công nghiệp công nghệ cao, sạch, tiêu tốn ít năng lượng, mang lại giá trị gia tăng cao, phát triển bền vững.
- đ) Nghề tiểu thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ tại địa phương cần được bảo tồn, phát triển.
- e) Áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững; xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.
- g) Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số.

2.¹⁷ (được bãi bỏ)

Điều 6. Nguyên tắc ưu tiên

1. Địa bàn ưu tiên: Ưu tiên các chương trình, đề án thực hiện tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; địa bàn các xã trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; huyện vùng cao, hải đảo, biên giới đất liền; vùng đồng bào dân tộc thiểu số; các huyện nghèo theo quy định của Chính phủ.

2.¹⁸ Ngành nghề ưu tiên:

a) Ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ phát triển công nghiệp cơ khí, công nghiệp hoá chất phục vụ nông nghiệp; công nghiệp chế biến nông - lâm -

¹⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

¹⁷ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

¹⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

thủy sản; công nghiệp hỗ trợ; áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp, sản xuất và tiêu dùng bền vững.

b) Ưu tiên các chương trình, đề án hỗ trợ chuyển đổi số, phát triển các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; sản phẩm thuộc các chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực; công nghiệp mũi nhọn; công nghiệp trọng điểm của quốc gia, vùng, miền và từng địa phương; sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sản phẩm có thị trường xuất khẩu.

c) Ưu tiên các ngành nghề thủ công nghiệp, thủ công mỹ nghệ truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền.

2a.¹⁹ Trường hợp các cơ sở công nghiệp nông thôn cùng đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định thì ưu tiên lựa chọn cơ sở do phụ nữ làm chủ, cơ sở sử dụng nhiều lao động nữ, lao động yếu thế và lao động là người dân tộc thiểu số hơn.

3. Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án quy định tại Khoản 1 và 2 của Điều này, đảm bảo thu hút được các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững²⁰ vào các địa bàn và ngành nghề cần ưu tiên.

Chương III **TỔ CHỨC HỆ THỐNG KHUYẾN CÔNG**

Điều 7. Tổ chức khuyến công Trung ương

1. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công²¹ là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công; tổ chức thực hiện chương trình, đề án khuyến công quốc gia hàng năm theo kế hoạch của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

2. Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thành lập một số Trung tâm Khuyến công quốc gia ở các vùng, trực thuộc Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công²², để triển khai thực hiện các chương trình, đề án khuyến công quốc gia tại các vùng.

Điều 8. Tổ chức khuyến công địa phương

¹⁹ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

²⁰ Cụm từ “sản xuất sạch hơn” được thay thế bởi cụm từ “sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững” theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

²¹ Cụm từ “Cục Công nghiệp địa phương” được thay thế bởi cụm từ “Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

²² Cụm từ “Cục Công nghiệp địa phương” được thay thế bởi cụm từ “Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

1. Cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương): Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Trung tâm Khuyến công là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương để tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công.

2.²³ (được bãi bỏ)

3.²⁴ Cấp xã (xã, phường, đặc khu) theo yêu cầu nhiệm vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thành lập mạng lưới cộng tác viên khuyến công để triển khai hoạt động khuyến công đến cấp xã.

Điều 9. Các tổ chức dịch vụ khuyến công khác

1.²⁵ Tổ chức dịch vụ khuyến công khác là đơn vị sự nghiệp công lập không trực thuộc Sở Công Thương nhưng có chức năng, nhiệm vụ về khuyến công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định và các tổ chức không thuộc Điều 7, Điều 8 của Nghị định này nhưng có chức năng, nhiệm vụ hoặc năng lực phù hợp để triển khai thực hiện các dịch vụ khuyến công.

2. Các tổ chức dịch vụ khuyến công được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, được tham gia vào các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tổ chức.

Điều 10. Chế độ đối với cộng tác viên khuyến công

Cộng tác viên khuyến công được hưởng thù lao khuyến công do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

**Chương IV
KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG**

Điều 11. Kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến công

Kinh phí cho hoạt động khuyến công và kinh phí áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững²⁶ trong công nghiệp (sau đây gọi chung là kinh phí khuyến công), bao gồm kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương.

1. Kinh phí khuyến công quốc gia là kinh phí sử dụng cho những hoạt động khuyến công do Bộ Công Thương quản lý và tổ chức thực hiện.

²³ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

²⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

²⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

²⁶ Cụm từ “sản xuất sạch hơn” được thay thế bởi cụm từ “sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững” theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

2. Kinh phí khuyến công địa phương là kinh phí do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân ²⁷, cấp xã quản lý, sử dụng cho những hoạt động khuyến công do các cấp ở địa phương thực hiện.

3.²⁸ Kinh phí khuyến công hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật về đấu thầu.

Điều 12. Kinh phí khuyến công quốc gia

1. Kinh phí khuyến công quốc gia được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo kế hoạch.
- b) Tài trợ và đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- c) Nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí khuyến công quốc gia được sử dụng cho mục đích sau:

a) Chi cho hoạt động khuyến công quốc gia theo các nội dung quy định tại Điều 4 Nghị định này.

b) Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến công quốc gia.

Điều 13. Kinh phí khuyến công địa phương

1. Kinh phí khuyến công địa phương được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ²⁹, cấp xã cấp hàng năm.
- b) Tài trợ và đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- c) Nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí khuyến công địa phương được sử dụng cho mục đích sau:

a) Chi cho hoạt động khuyến công do địa phương tổ chức thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 4 Nghị định này;

b) Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến công địa phương.

Điều 14. Quản lý kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương

1. Kế hoạch và dự toán kinh phí khuyến công quốc gia do Bộ Công Thương xây dựng, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Công Thương trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Kế hoạch và dự toán kinh phí khuyến công địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ³⁰, cấp xã xây dựng, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của

²⁷ Cụm từ “cấp huyện” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

²⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

²⁹ Cụm từ “cấp huyện” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

địa phương mình, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3. Hàng năm, cơ quan quản lý nhà nước về khuyến công xây dựng dự toán cùng thời điểm xây dựng dự toán, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

4.³¹ Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí khuyến công do ngân sách nhà nước cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đấu thầu và các văn bản hướng dẫn.

5.³² *(được bãi bỏ)*

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG

Điều 15. Trách nhiệm của các Bộ, ngành

1. Bộ Công Thương giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công theo các nội dung sau:

a) Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động khuyến công.

b)³³ Xây dựng và phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia từng giai đoạn. Tổ chức thực hiện và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân liên quan triển khai các hoạt động khuyến công theo chương trình đã phê duyệt.

c)³⁴ Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công quốc gia hằng năm đảm bảo phù hợp với Chương trình khuyến công quốc gia từng giai đoạn đã phê duyệt.

d) Đầu mối phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương hướng dẫn, xử lý những vướng mắc liên quan đến hoạt động khuyến công.

đ) Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút vốn và các nguồn lực phục vụ cho hoạt động khuyến công.

e) Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động khuyến công quốc gia.

³⁰ Cụm từ “cấp huyện” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

³¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

³² Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

³³ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

³⁴ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

g) Theo dõi, đánh giá tổng hợp và định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện các chương trình, kế hoạch khuyến công trong phạm vi toàn quốc.

1a.³⁵ Căn cứ chương trình khuyến công quốc gia từng giai đoạn và kế hoạch khuyến công quốc gia hàng năm do Bộ Công Thương phê duyệt, trên cơ sở đề xuất của Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan, Bộ Tài chính tổng hợp, bố trí trong dự toán hàng năm của ngân sách trung ương, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thực hiện; hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành liên quan tổng hợp, xem xét trình Chính phủ phân bổ kinh phí từ nguồn vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương đầu tư xây dựng trụ sở, trang thiết bị cho Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến công³⁶ quốc gia ở các vùng và chi hỗ trợ đầu tư xây dựng trụ sở, trang thiết bị cho Trung tâm Khuyến công của các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến công³⁷ cấp tỉnh.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động khuyến công theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động khuyến công trong phạm vi địa phương, có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a)³⁸ Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về khuyến công phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện địa phương.

³⁵ Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

³⁶ Cụm từ “Trung tâm khuyến công” được thay thế bởi cụm từ “Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến công” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

³⁷ Cụm từ “Trung tâm khuyến công” được thay thế bởi cụm từ “Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến công” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

³⁸ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

b) Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện chương trình khuyến công địa phương từng giai đoạn và kế hoạch, đề án khuyến công hàng năm tại địa phương.

c) Quyết định hình thức hỗ trợ từ kinh phí khuyến công địa phương cho các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4 Nghị định này theo quy định.

d) Bảo đảm nguồn vốn từ ngân sách địa phương để tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công tại địa phương theo các quy định tại Nghị định này.

đ)³⁹ Chỉ đạo xây dựng, tổng hợp các chương trình, kế hoạch, đề án có sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia.

e) Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động khuyến công trên địa bàn địa phương.

g) Quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thu hút các nguồn vốn cho hoạt động khuyến công của địa phương.

h) Cân đối kinh phí từ ngân sách địa phương đầu tư xây dựng trụ sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến công⁴⁰ cấp tỉnh theo quy định.

i) Theo dõi, đánh giá, định kỳ hàng quý báo cáo Bộ Công Thương về hoạt động khuyến công tại địa phương.

2.⁴¹ Sở Công Thương là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại địa phương; chịu trách nhiệm xây dựng, trình Bộ Công Thương phê duyệt các chương trình, kế hoạch, đề án có sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khuyến công quốc gia được phân cấp.

Điều 17. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Hàng năm, Bộ Công Thương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và khen thưởng cho các tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khuyến công.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Nghị định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

³⁹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

⁴⁰ Cụm từ “Trung tâm khuyến công” được thay thế bởi cụm từ “Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ khuyến công” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

⁴¹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁴²

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2012 và thay thế Nghị định số 134/2004/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn.

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 42 /VBHN-BCT

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Báo Công Thương (để đăng Cổng TTĐT Bộ Công Thương);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Vụ Pháp chế (để đăng Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Lưu: VT, PC (02b).

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2025

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân

⁴² Điều 3 và Điều 4 của Nghị định số 235/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.
2. Điều 52 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại hết hiệu lực kể từ khi Nghị định này có hiệu lực.
3. Quy định chuyển tiếp: Đối với các đề án khuyến công quốc gia và khuyến công địa phương đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Công Thương và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao và rà soát các văn bản đã ban hành để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định tại Nghị định này.
2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”